

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

Số: 122/TB-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển dụng viên chức kế hoạch năm 2018

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định 1324/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố;

Sở Y tế Hải Phòng thông báo kết quả xét tuyển viên chức tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hải Phòng kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Về kết quả điểm xét tuyển (có danh sách kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo kết quả xét tuyển

- Nếu có thắc mắc về điểm số xét tuyển của mình, các thí sinh gửi đơn phúc khảo về Ủy viên thư ký Hội đồng tuyển dụng : Đ/c Nguyễn Tuyết Mai Anh - Phó trưởng phòng cán bộ Sở Y tế Hải Phòng.

- Thời gian từ 7giờ ngày 05/6/2019 đến 17giờ ngày 18/6/2019.

Vậy Sở Y tế Hải Phòng xin thông báo tới tất cả các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- VP (đăng công TT);
- Niêm yết tại bảng tin ĐV;
- Lưu VT, TCCB(4).

GIÁM ĐỐC

Phạm Thu Xanh

**DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI HẢI PHÒNG KẾ HOẠCH NĂM 2018**

(Kèm theo thông báo số: 122/TB-SYT ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

(Danh sách xếp theo tổng điểm từ cao xuống thấp)

I. Vị trí: khám bệnh, chữa bệnh

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Bùi Thị Thúy		23/3/1994	Bác sĩ đa khoa	76.30	75.00	160.50	311.80
2	Đỗ Minh Hiệu	8/7/1984		Bác sĩ đa khoa	68.40	73.30	127.00	268.70

II. Vị trí: Chỉ đạo tuyến

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Trần Thị Thu Quỳnh		23/7/1993	Bác sĩ y học dự phòng	76.30	81.70	153.00	311.00
2	Nguyễn Thị Đại	11/12/1993		Bác sĩ y học dự phòng	64.60	73.30	162.00	299.90

III. Vị trí: Chăm sóc bệnh nhân

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Nguyễn Thị Đức		24/10/1988	Điều dưỡng trung học	71.20	83.30	196.00	350.50
2	Lưu Thị Tươi		06/02/1983	Nữ hộ sinh chuyển đổi điều dưỡng	73.10	86.80	190.00	349.90
3	Hoàng Thị Dung		27/9/1990	Điều dưỡng trung học	73.10	83.30	191.00	347.40
4	Hoàng Thị Thanh		21/02/1985	Điều dưỡng trung học	68.90	80.00	196.00	344.90
5	Nguyễn Thúy An		24/12/1989	Điều dưỡng trung học	72.00	83.30	189.50	344.80
6	Phạm Thị Xuyên		5/12/1992	Y sĩ chuyển đổi điều dưỡng	70.50	78.80	190.00	339.30

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
7	Nguyễn Thị Hà		10/2/1995	Điều dưỡng trung học	70.10	80.00	187.00	337.10
8	Phan Thị Thanh Thúy		19/8/1991	Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	68.60	81.30	187.00	336.90
9	Vũ Thị Kim Oanh		5/12/1991	Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	70.60	75.00	191.00	336.60
10	Dương Văn Thắng	7/3/1990		Điều dưỡng cao đẳng	72.10	68.30	196.00	336.40
11	Phạm Viết Linh	18/11/1988		Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	70.90	72.00	192.00	334.90
12	Trần Tuấn Anh	21/12/1990		Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	71.60	72.50	190.00	334.10
13	Phạm Văn Sĩ	01/9/1991		Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	69.30	74.00	190.00	333.30
14	Đỗ Thị Thu Trang		20/12/1992	Điều dưỡng cao đẳng	66.00	81.70	183.00	330.70
15	Phạm Thị Huệ		19/4/1993	Điều dưỡng cao đẳng	72.30	68.30	190.00	330.60
16	Vũ Thị Hồng		18/12/1994	Điều dưỡng trung học	66.60	76.70	180.00	323.30
17	Hoàng Đình Hùng	14/7/1991		Y sĩ chuyên đôi điều dưỡng	70.60	70.00	175.00	315.60

IV. Vị trí: Xét nghiệm

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Bùi Thị Thùy Dương		7/4/1996	Cử nhân xét nghiệm Y học	72.60	87.10	182.00	341.70
2	Phạm Thị Mến		8/8/1996	Cử nhân xét nghiệm Y học	74.30	86.70	179.00	340.00
3	Phạm Quang Thành	27/9/1991		Y sĩ chuyên đôi xét nghiệm trung cấp	69.10	84.00	171.00	324.10

IV. Vị trí: Hành chính quản trị

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Nguyễn Duy Hải	20/12/1990		Cử nhân Kế toán	65.20	70.00	195.00	330.20
2	Phan Trung Kiên Hùng	04/01/1992		Cử nhân tài chính ngân hàng	68.00	68.00	193.00	329.00

V. Vị trí: Công nghệ thông tin

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm thực hành (hệ số 2)	Tổng điểm
		Nam	Nữ					
1	Đỗ Thị Thanh		,6/4/1990	Cử nhân công nghệ thông tin	81.30	93.20	196.00	370.50

